

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18/03/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Xuân Chính.
- Ông Lý Văn Trường.

Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST - HNGĐ ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. (Có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Chảo Văn X.

Địa chỉ: thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 08 năm 2023 và bản tự khai ngày 27/10/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Chảo Văn X lấy nhau cuối năm 2020 và ngày 21/10/2021 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, thời gian đầu vợ, chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống

trong cuộc sống hàng ngày và trong việc làm ăn kinh tế khó khăn tôi xin đi làm công nhân để có thêm thu nhập thì anh X không đồng ý cho đi mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo động viên nhưng không đoàn tụ được. Thời gian mâu thuẫn gần nhất vào năm 2023 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Tuyên Quang và anh X ở thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Lào Cai hai vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Vì vậy chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chảo Văn X.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có con riêng. Sau khi lấy nhau về sinh được một người con chung là Chảo Ngọc S, sinh ngày 19/08/2021, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chảo Ngọc S đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu S.

Về tài sản: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng. Sau khi lấy nhau về chưa tạo dựng được tài sản gì, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: anh, chị không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+, Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án đã tổng đạt cho mẹ của bị đơn X hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn Chảo Văn X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn Chảo Văn X không có mặt lần thứ hai Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho mẹ của bị đơn theo quy định nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Chị Nguyễn Thị T có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Chảo Văn X lấy nhau vào cuối năm 2020 nhưng đến ngày 21/10/2021 đến Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, hai vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay. Vì vậy chấp nhận đơn khởi kiện của chị T về việc giải quyết ly hôn với anh X, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về con: Quá trình chung sống, anh chị sinh được một người con chung là Chảo Ngọc S, sinh ngày 19/08/2021, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chảo Ngọc S đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu S.



Tòa án đã yêu cầu chị **N** cung cấp chứng cứ về mức thu nhập hàng tháng của chị có mức thu nhập là 9.379.000 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng), còn Tòa án đi xác minh anh **Chào Văn X** có mức thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hiện nay cháu **S** còn nhỏ và đang ở với mẹ để đảm bảo quyền của cháu nhỏ nên giao cho chị **T** chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục cháu **Chào Ngọc S** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy nên áp dụng khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh **Chào Văn X** theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh **X** không có nhà nên **T1** đã giao cho mẹ của anh **X** là bà **Lò Thị T2** nhưng anh **X** không nộp hoặc gửi cho Tòa án văn bản hay ý kiến của mình đối với yêu cầu người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án đã thông báo tiếp cận công khai chứng cứ niêm yết hợp lệ nhưng anh **X** cố tình không đến tham gia tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án đã thông báo hòa giải có niêm yết theo quy định nhưng anh **X** không tham gia hòa giải nên đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho mẹ anh **X** nhưng bị đơn **Chào Văn X** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn **Chào Văn X** không có mặt. Chị **Nguyễn Thị T** có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Chào Văn X** lấy nhau vào năm 2020 nhưng đến ngày 21/10/2021 mới đi đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang**.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống vợ chồng hay cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Vì vậy chấp nhận đơn khởi kiện của chị **T** về việc giải quyết ly hôn với anh **X**, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[ 3]. Về con: Quá trình chung sống anh, chị sinh được một người con chung là **Chào Ngọc S**, sinh ngày 19/08/2021, nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Chào Ngọc S** đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh **X** phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu **S**. Tòa án đã yêu cầu chị **N** cung cấp chứng cứ về mức thu nhập hàng tháng của chị có mức thu nhập là 9.379.000 đồng (Chín triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng), còn Tòa án đi xác minh anh **Chào Văn X** có mức thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hiện nay cháu **S** còn nhỏ và đang ở với mẹ để đảm bảo quyền của cháu nhỏ nên giao cho chị **T** chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục cháu **Chào Ngọc S** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy nên áp dụng khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[ 4]. Về tài sản: Chị **T** và anh **X** không có tài sản chung nên không giải quyết, về khoản nợ anh, chị không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[ 5]. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn Anh **Chào Văn X**.

Giao cháu **Chào Ngọc S** sinh ngày 19/08/2021 cho chị **Nguyễn Thị T** chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Chào Văn X** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu **S**.

Anh **Chào Văn X** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh **X** thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu A C - 21P Số: 0006704 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Chào Văn X** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết.

**Nơi nhận:**

4

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM Thẩm phán – Chủ tọa phiên  
tòa**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Tân Yên  
huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

-